

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình
xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1110/TTr-SCT ngày 28/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: CT, TC, TP;
- TT.TU, TT.HĐND, ĐDBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- TT.CB, Website Bình Dương;
- LĐVP, Tr, TH; **HCTC**;
- Lưu: VT. **ll**.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm

QUY CHẾ

**Xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại
tỉnh Bình Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (dưới đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (dưới đây gọi tắt là đơn vị thực hiện), cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 2. Mục tiêu Chương trình.

Mục tiêu của Chương trình xúc tiến thương mại nhằm:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước;
2. Hỗ trợ công tác quy hoạch; vận hành hạ tầng thương mại;
3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp;
4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình.

1. Đơn vị chủ trì: Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Thông tin kinh tế trực thuộc Sở Công Thương và các đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ xúc tiến thương mại có Chương trình, nội dung xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu, tiêu chí quy định tại Quy chế này và được Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Có kế hoạch phát triển ngành hàng cụ thể của địa phương;

d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ theo quy định của Quy chế này để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình.

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình: các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) trực tiếp thực hiện nội dung của Chương trình được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả các nội dung Chương trình xúc tiến thương mại mà doanh nghiệp tham gia;

2. Các doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình phải đảm bảo đủ các điều kiện như sau:

a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

b) Có văn bản đề nghị tham gia Chương trình gửi đến đơn vị chủ trì Chương trình trong thời hạn quy định;

c) Ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất, kinh doanh những hàng hóa truyền thống, đặc sản của Tỉnh tiêu thụ trong nước và xuất khẩu;

d) Đối với doanh nghiệp mới thành lập: có khả năng phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, đoạt giải hàng Việt Nam chất lượng cao, ...;

đ) Đối với doanh nghiệp hoạt động lâu năm: phát triển và quảng bá sản phẩm mới (so với những sản phẩm hiện đang sản xuất), nhiều năm liền là doanh nghiệp tiêu biểu, đoạt giải hàng Việt Nam chất lượng cao....

Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình.

Sở Công Thương là cơ quan được UBND tỉnh Bình Dương giao trách nhiệm quản lý Chương trình và chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành trong Tỉnh phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước theo chiến lược, quy hoạch và các Đề án, Chương trình phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Hướng dẫn xây dựng Chương trình xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này;

3. Quy định tiêu chí đối với Chương trình phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình;

4. Đánh giá, thẩm định, phê duyệt các nội dung thực hiện để tổng hợp vào Chương trình;

5. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Chương trình;

6. Quản lý kinh phí các đề án xúc tiến thương mại thuộc Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia thực hiện tại địa phương có hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại được thực hiện từ nguồn ngân sách của Tỉnh;

7. Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình.

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia tại địa phương;

b) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ một phần tùy theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm;

c) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;

d) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được phân bổ trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của Sở Công Thương;

b) Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì thực hiện chương trình.

Điều 7. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại.

1. Sau khi được UBND Tỉnh phê duyệt nội dung Chương trình xúc tiến thương mại, Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện chương trình xây dựng dự toán kinh phí địa phương hỗ trợ về các nội dung đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định;

2. Sở Công Thương có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung Chương trình xúc tiến thương mại đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng tổng mức kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của chương trình không vượt quá tổng dự toán đã được thẩm định;

3. Sở Công Thương có trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chương trình theo quy định hiện hành. Nguồn kinh phí thực hiện chương trình xúc tiến thương mại trong năm, chưa hết phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước, đồng thời tổng hợp đánh giá, báo cáo kết quả về UBND tỉnh và các cơ quan liên quan theo định kỳ, đột xuất (khi có yêu cầu).

Chương II NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu.

1. Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các ngành hàng:

Mức hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng)/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Tuyên truyền xuất khẩu:

Các nội dung này được thực hiện khi có chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân Tỉnh:

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài.

- Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;

- Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

Mức hỗ trợ 50% chi phí theo hợp đồng phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng tại nước ngoài để giới thiệu hình ảnh và chỉ dẫn.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Bình Dương để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu theo hợp đồng trọn gói:

Mức hỗ trợ 50% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng ...)

3. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài.

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn:

Mức hỗ trợ: hỗ trợ 50% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành khi có chủ trương chấp thuận của UBND Tỉnh.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp.

Mức Hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, nhân bản tài liệu tư vấn, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 8 Quy chế này không quá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại.

Các nội dung này được thực hiện khi có chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân Tỉnh;

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% cho đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã và Hỗ trợ 100% cho đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại do Nhà nước quản lý và cán bộ, công chức, viên chức tham gia;

- Nội dung trên bao gồm các khoản chi: Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy (nếu có), tài liệu cho học viên (thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức) hoặc học phí trọn gói của khóa học phải được ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực, kinh nghiệm về khả năng giảng dạy theo yêu cầu của công tác đào tạo.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại.

Các nội dung này thực hiện khi được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương và chấp thuận danh sách các doanh nghiệp tham gia:

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài:

Mức hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam, bao gồm cả gian hàng quốc gia (nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Chi phí tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Chi phí trình diễn sản phẩm: thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)/1 doanh nghiệp tham gia.

b) Tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về tổ chức hội chợ, triển lãm trên các phương tiện thông tin đại chúng của Tỉnh để mời khách đến giao dịch:

Hỗ trợ 60% chi phí theo hợp đồng phát hành;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này không quá 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng)/ 1 đợt tuyên truyền về Hội chợ (sau khi trừ các khoản thu từ các đối tượng không được hỗ trợ khi tham gia Hội chợ triển lãm tại tỉnh Bình Dương như: Doanh nghiệp pháp nhân nước ngoài).

6. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài.

Các nội dung này thực hiện khi được UBND Tỉnh phê duyệt chủ trương và chấp thuận danh sách các doanh nghiệp tham gia theo đoàn:

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu.

b) Doanh nghiệp tham gia:

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ các khoản chi phí:

- Vé máy bay khứ hồi cho các đơn vị tham gia thực hiện chương trình;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

c) Cán bộ tổ chức chương trình:

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí thanh toán trực tiếp cho cá nhân đi công tác nước ngoài được áp dụng mức chi theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu (nếu chưa tham gia chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

a) Cán bộ tổ chức chương trình:

Mức hỗ trợ : Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Những khoản thanh toán trực tiếp cho cá nhân đi công tác nước ngoài được áp dụng mức chi theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

b) Doanh nghiệp tham gia:

Mức hỗ trợ: hỗ trợ các khoản chi phí:

- Vé máy bay khứ hồi cho các đơn vị tham gia thực hiện chương trình;

- Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều này áp dụng đối với các doanh nghiệp có các mặt hàng xuất khẩu đạt hiệu quả theo

tiêu chí và danh sách được cấp thẩm quyền phê duyệt, không quá 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)/ 1 doanh nghiệp.

Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước.

1. Tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng trong tỉnh và của doanh nghiệp Bình Dương tại các tỉnh:

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);
- Chi phí quản lý;
- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;
- Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này không quá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/1 đơn vị sản xuất, kinh doanh tham gia.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các chi phí thực hiện gian hàng chung của Tỉnh tham gia hội chợ triển lãm thương mại:

- Công tác phí;
- Chi phí gian hàng;
- Trang trí;
- Vận chuyển...

Mức hỗ trợ đối với nội dung quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này áp dụng do Trung tâm Xúc tiến thương mại và Thông tin kinh tế thực hiện.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn Tỉnh theo các đề án, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển (cự ly trên 30 km);
- Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;
- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

- Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;
- Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;
- Chi phí phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này không quá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/1 đợt bán hàng.

3. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm:

Mức Hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí mua tư liệu;
- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;
- Chi phí xuất bản và phát hành;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 9 Quy chế này không quá 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 doanh nghiệp đăng ký và nhận thông tin.

4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác:

Mức Hỗ trợ: hỗ trợ 60% kinh phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng;

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 9 Quy chế này không quá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước.

Các nội dung chương trình này được thực hiện khi có chủ trương chấp thuận của UBND Tỉnh.

Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% các khoản chi phí cho đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Hỗ trợ 100% các khoản chi phí cho đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại do nhà nước quản lý và cán bộ, công chức, viên chức;

- Nội dung các khoản chi phí: Thuê giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên: định mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC; ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính, hoặc học phí trọn gói của khóa học phải được ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực, kinh nghiệm về khả năng giảng dạy theo yêu cầu của công tác đào tạo.

Điều 10. Phân bổ và thanh quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại.

1. Căn cứ dự toán ngân sách phân bổ cho đơn vị thực hiện Chương trình (sau khi được cơ quan tài chính thẩm định, đơn vị chủ trì thực hiện rút dự toán để thực hiện theo quy định hiện hành);

2. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của chương trình theo quy định về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại quy chế này;

3. Sau khi kết thúc chương trình, Đơn vị chủ trì chương trình có trách nhiệm tập hợp đầy đủ chứng từ thu, chi theo nội dung đã được phê duyệt. Riêng đối với nội dung nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, chủ chương trình có trách nhiệm huy động đủ nguồn kinh phí để thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của chứng từ, hóa đơn thực hiện, đồng thời lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

Chương III XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 11. Xây dựng Chương trình.

1. Đơn vị chủ trì tham gia Chương trình xúc tiến thương mại gửi đăng ký tổ chức thực hiện Chương trình đến Sở Công Thương trước ngày 01 tháng 7 hàng năm để thẩm định, tổng hợp và trình UBND Tỉnh phê duyệt nội dung theo quy định.

2. Các Chương trình xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;

b) Phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế của địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

c) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 8, Điều 9 của Quy chế này;

d) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

3. Sở Công Thương chịu trách nhiệm công bố công khai nội dung của Chương trình xúc tiến thương mại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên website của Sở Công Thương để các đơn vị biết, đăng ký tham gia.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương.

1. Giao cho Sở Công Thương chủ trì triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ, hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Không tiếp nhận việc đăng ký thực hiện Chương trình trong năm tiếp theo đối với Đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm và các quy định tại Quy chế này.

2. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí chương trình xúc tiến thương mại theo khả năng cân đối ngân sách sau khi được UBND Tỉnh phê duyệt các nội dung chương trình hàng năm, đồng thời kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

3. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị, thành phố theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Tỉnh. Thông báo nội dung quy chế hoạt động của chương trình xúc tiến thương mại đến các doanh nghiệp của tỉnh Bình Dương biết và thực hiện.

Điều 13. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì.

1. Tổ chức thực hiện các Chương trình được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng quy định hiện hành và Quy chế này;

2. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp với tiêu chí đã cam kết trong Chương trình. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp;

3. Đối với nội dung chương trình có nhiều đơn vị tham gia, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của chương trình;

4. Đình chỉ không cho tham gia chương trình 3 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị tham gia không báo cáo kịp thời chương trình đã đăng ký thực hiện trong năm cho đơn vị chủ trì;

5. Đơn vị chủ trì đề án gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung Chương trình của Quy chế này về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ

ngày kết thúc các nội dung của Chương trình. Định kỳ 6 tháng 1 lần, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện Chương trình thực hiện về Sở Công Thương (6 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12), đồng thời thông báo cho các đơn vị tham gia Chương trình các báo cáo liên quan;

6. Sở Công Thương theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các đề án của chương trình xúc tiến thương mại hàng năm và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị tham gia.

1. Tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã đăng ký;
2. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện chương trình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại quy chế này, đồng thời chấp hành các chế độ kiểm tra, thanh tra của các cấp có thẩm quyền về kinh phí được hỗ trợ.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

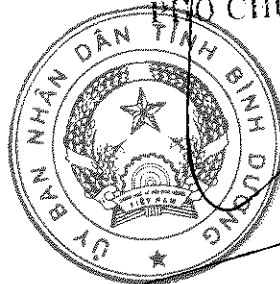
1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí chương trình xúc tiến thương mại của Tỉnh đạt hiệu quả sẽ được xem xét khen thưởng theo chế độ quy định hiện hành;
2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ chương trình xúc tiến thương mại của Tỉnh theo quy chế này thì phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 16. Triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Liêm